

**Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Bạ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 643/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng N** - Sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: 100/1 C, phường T, thành phố T, tỉnh H. Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Bùi Trọng H** - Sinh năm: 1986; Địa chỉ: 100/1 C, phường T, thành phố T, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày:*

Tôi và ông Bùi Trọng H đăng ký kết hôn tự nguyện vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do ông H có người phụ nữ khác từ năm 2019 đến nay. Tôi thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 (Hai) con chung là cháu Bùi Tấn D, sinh ngày: 29/10/2007 và Bùi Tấn S, sinh ngày: 15/5/2012. Tôi yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Trọng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa nên không có lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N và bị đơn ông Bùi Trọng H đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Hồng N được ly hôn với ông Bùi Trọng H. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Tấn D, sinh ngày: 29/10/2007 và Bùi Tấn S, sinh ngày: 15/5/2012 cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Bùi Trọng H do bà Phạm Thị Hồng N không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Bùi Trọng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Bà Phạm Thị Hồng N và ông Bùi Trọng H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày đăng ký: 16/7/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng N và ông Bùi Trọng H không hạnh phúc do ông H không chung thủy. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông H không đến Tòa án cung cấp lời khai cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, tại các phiên hòa giải, phiên tòa ông H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc bị đơn không có thiện chí hàn gắn, không thật sự muốn níu kéo tình cảm với bà N. Ngoài ra, Biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của ông Bùi Trọng H và bà Phạm Thị Hồng N, Ủy ban nhân dân phường Vạn Thắng xác nhận: *“Hiện vợ chồng ông H, bà N không còn sống chung với nhau. Vợ chồng đã tự ly thân hơn 01 năm nay. Bà N cùng các con đã về nhà mẹ đẻ tại Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang để sinh sống”*.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của bà Phạm Thị Hồng N và ông Bùi Trọng H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly

hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N khai có 02 (Hai) con chung là cháu Bùi Tấn D, sinh ngày: 29/10/2007 và Bùi Tấn S, sinh ngày: 15/5/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; Điều này phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Tấn D và Tấn S tại các bản tự khai đề ngày 14/3/2022. Mặt khác, Tòa án không có lời khai của ông Bùi Trọng H về vấn đề con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu cháu Bùi Tấn D, sinh ngày: 29/10/2007 và Bùi Tấn S, sinh ngày: 15/5/2012 cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng N không yêu cầu ông Bùi Trọng H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000333 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Phạm Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Hồng N được ly hôn ông Bùi Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu 02 (Hai) con chung là cháu Bùi Tấn D, sinh ngày: 29/10/2007 và Bùi Tấn S, sinh ngày: 15/5/2012 cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn.

Ông Bùi Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000333 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Phạm Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường Vạn Thắng, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 57, ngày 16/7/2009);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh